

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BẢN ÁN SỐ: 330/2026/DS-
ST

Ngày: 31/7/2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tòng.

2. Ông Nguyễn Văn Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2026/TLST-DS ngày 10 tháng 3 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 362/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1); địa chỉ 43-45-47 N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Faussier Loic Michel M – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S2).

Đại diện hợp pháp của Công ty S2: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền của ông T: Anh Lê Dương Bảo T1 – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm 1972; địa chỉ: khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP S (Nay là Ngân hàng TMCP S1) cấp tín dụng cho Lê Quang H với thông tin cụ thể như sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 202427876700 ngày 16/09/2024; các thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/202427876700 ngày 20/03/2025; số 02/202427876700 ngày 20/05/2025:

Số tiền vay: 1,500,000,000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng)

Chi tiết giấy nhận nợ

TT	Số giấy nhận nợ	Ngày vay	Số tiền nhận nợ (VNĐ)
	LD2426000528	16/09/2024	1,500,000,000

2. Đề nghị kiểm Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ (HĐTD) với thông tin cụ thể như sau:

TT	Chủ thẻ tín dụng	Thông tin HĐ TTD	Hạn mức (VNĐ)
	Lê Quang Hiển	Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 23/01/2025	200,000,000

3. Biện pháp bảo đảm tiền vay

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho các hợp đồng tín dụng, giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng nêu trên, ông Lê Quang H đã ký với S3 hợp đồng thế chấp số 19438505/2025/TBTN ngày 20/05/2025. Tài sản thế chấp chi tiết như sau:

TT	Số HĐBĐ	TSBĐ	Chủ sở hữu
1	19438505/2025/TBTN	Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1044 – Tờ bản đồ số: 50; diện tích 148,8m ² ; Địa chỉ thửa đất: Khu phố Tân Lộc, Phường Gia Lộc, Thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh Theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DR 003794, số vào sổ cấp GCN số CN28602 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất	Lê Quang Hiển

		đại Trảng Bàng cấp ngày 31/12/2024	
--	--	---------------------------------------	--

Việc nhận tài sản đảm bảo đã được Ngân hàng và Bên bảo đảm lập thành Hợp đồng công chứng và đăng ký biện pháp bảo đảm theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông **Lê Quang H** nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản cấp tín dụng thành nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, làm việc trực tiếp để yêu cầu ông **Lê Quang H** có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông **Lê Quang H** chủ động xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ. Tuy nhiên, ông **Lê Quang H** vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn/chưa xử lý TSBĐ để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại hợp đồng tín dụng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại các hợp đồng đã ký.

Tạm tính đến ngày 31/07/2026, ông **Lê Quang H** có trách nhiệm phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 2,052,053,602 đồng (*Hai tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ hai*), trong đó:

- Hợp đồng tín dụng:

Số Hợp đồng	Nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng vốn+ lãi phải trả
Hợp đồng cấp tín dụng số 202427876700 ngày 16/09/2024	1,500,000,000	224,142,248	-	14,950,019	1,739,092,267

- Thẻ tín dụng đứng tên ông **Lê Quang H**: 312,961,335 đồng

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Ngân hàng kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây:

- Buộc Ông **Lê Quang H** phải trả ngay cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 31/07/2026 là 2,052,053,602 đồng (*Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ hai*), trong đó:

+ Hợp đồng tín dụng:

Số Hợp đồng	Nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng vốn+ lãi phải trả
-------------	--------	---------------	-------------	--------------	------------------------

Số Hợp đồng	Nợ gốc	Lãi trong hạn	Lãi quá hạn	Lãi chậm trả	Tổng vốn+ lãi phải trả
Hợp đồng cấp tín dụng số 202427876700 ngày 16/09/2024	1,500,000,000	224,142,248		14,950,019	1,739,092,267

+ Thẻ tín dụng đứng tên ông **Lê Quang H**: 312,961,335 đồng (bao gồm hạn mức 200.000.000 đồng, sử dụng vượt hạn mức là 24.077.811 đồng; lãi quá hạn 88.883.524 đồng)

Và lãi phát sinh kể từ ngày 01/08/2026 cho đến khi trả dứt nợ theo mức lãi suất quy định tại các hợp đồng tín dụng và Phụ lục (nếu có).

- Trong trường hợp ông **Lê Quang H** không trả được nợ, Ngân hàng quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi ngay toàn bộ tài sản đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Trường hợp sau khi bán tài sản đảm bảo mà không đủ bù đắp số tiền vốn gốc nợ vay, tiền lãi vay, lãi phạt có liên quan, chi phí tòa án, chi phí phát mãi tài sản (nếu có) thì ông **Lê Quang H** có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

- Buộc ông **Lê Quang H** chịu toàn bộ chi phí trong quá trình tố tụng.

*Bị đơn ông **Lê Quang H** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án nên không có văn bản trình bày.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ theo quy định tại Điều 280, 299, 317, 322, 327 Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 147, 157 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** (nay là **Ngân hàng TMCP S1**) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với ông **Lê Quang H**. Buộc ông **Lê Quang H** có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi của 02 khoản vay là 2.052.053.602 đồng tính đến ngày 31/7/2026 và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật nếu ông **Lê Quang H** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Dương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1), (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) tranh chấp hợp đồng tín dụng đã ký kết với ông Lê Quang H, địa chỉ: khu phố L, phường T, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn là ông Lê Quang H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Xét hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên ngày 16-09/2024 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 02/202427876700 ngày 20/5/2025, Ngân hàng cho ông H vay 1.500.000.000 đồng và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng thế chấp ngày 23/01/2025 hạn mức 200.000.000 đồng. Để đảm bảo cho số tiền vay, ông H có thể chấp cho Ngân hàng toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1044, tờ bản đồ số 50; diện tích 148,8 m²; tọa lạc tại khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DR 003794, số vào sổ cấp GCN số CN28602 do Chi nhánh văn phòng Đ cấp ngày 31/12/2024 cho ông Lê Quang H. Xét thấy, các bên xác lập và ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có hình thức, nội dung, mục đích không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng cam kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông H đã vi phạm nghĩa vụ, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như các hợp đồng đã ký kết, như vậy, ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã xác lập với Ngân hàng. Tính đến ngày 31/7/2026, ông H còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc theo hợp đồng tín dụng là 1.500.000.000 đồng và nợ thẻ tín dụng số tiền nợ gốc là 224.077.811 đồng (trong đó có 200.000.000 đồng hạn mức, sử dụng vượt hạn mức là 24.077.811 đồng) là sự thật.

[2.2] Về lãi suất: Căn cứ vào khoản 2 Điều 100 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định “...Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo

quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng”. Xét thỏa thuận về lãi suất trong các hợp đồng trên không trái với quy định của (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 cũng như quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng tại thời điểm ký kết hợp đồng nên có hiệu lực. Tính đến ngày 31/7/2026, ông H còn nợ lại Ngân hàng số tiền lãi theo hợp đồng tín dụng là 239.092.267 đồng (trong đó có lãi trong hạn 224.142.248 đồng, lãi chậm trả 14.950.019 đồng) và nợ thẻ tín dụng số tiền lãi quá hạn 88.883.524 đồng.

[2.3] Từ những nhận định nêu trên, do ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện đòi lại số nợ gốc và tiền lãi theo các hợp đồng đã ký kết là có căn cứ, phù hợp tại khoản 2 Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức Tín dụng. Buộc ông H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 2.052.053.602 đồng tính đến ngày 31/7/2026.

[2.4] Kể từ ngày 01/8/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.5] Trường hợp ông Lê Quang H không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của ông H: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1044, tờ bản đồ số 50; diện tích 148,8 m²; tọa lạc tại khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh), theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DR 003794, số vào sổ cấp GCN số CN28602 do Chi nhánh văn phòng Đ cấp ngày 31/12/2024 cho ông Lê Quang H để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Lê Quang H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên ông Lê Quang H phải chịu 3.000.000 đồng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã tạm ứng xong nên buộc ông Lê Quang H có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Ngân hàng TMCP S (nay là Ngân hàng TMCP S1) không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng 32.780.000 (ba mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004320 ngày 09/3/2026 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Anh Lê Quang H phải chịu 73.041.000 (bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi một nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 93, khoản 1 Điều 227, Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Căn cứ theo quy định tại Điều 280, 299, 317, 322, 327 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP S** (nay là **Ngân hàng TMCP S1**) đối ông **Lê Quang H** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.1. Buộc ông **Lê Quang H** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP S** (nay là **Ngân hàng TMCP S1**) số tiền 2.052.053.602 (hai tỷ, không trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, sáu trăm lẻ hai) đồng, (trong đó có tiền gốc theo hợp đồng tín dụng là 1.500.000.000 đồng và tiền gốc nợ thẻ tín dụng là 224.077.811 đồng (hạn mức 200.000.000 đồng, vượt hạn mức 24.077.811 đồng), tiền lãi theo hợp đồng tín dụng là 239.092.267 đồng và tiền lãi quá hạn của nợ thẻ tín dụng là 88.883.524 đồng) tính đến ngày 31/7/2026.

1.2. Kể từ ngày 01/8/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3. Trường hợp ông **Lê Quang H** không trả được nợ cho **Ngân hàng TMCP S** (nay là **Ngân hàng TMCP S1**) thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan pháp luật có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của ông **H**: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 1044, tờ bản đồ số 50; diện tích 148,8 m²; tọa lạc tại **khu phố T, phường G, thị xã T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố T, phường G, tỉnh Tây Ninh)**, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DR 003794, số vào sổ cấp GCN số CN28602 do Chi nhánh **văn phòng Đ** cấp ngày 31/12/2024 cho ông **Lê Quang H** để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông **Lê Quang H** phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí:

2.1. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông **Lê Quang H** phải chịu 3.000.000 đồng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ. Ngân hàng đã tạm ứng xong nên

buộc ông **Lê Quang H** có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.1. **Ngân hàng TMCP S** (nay là **Ngân hàng TMCP S1**) không phải chịu, hoàn trả cho Ngân hàng 32.780.000 (ba mươi hai triệu, bảy trăm tám mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004320 ngày 09/3/2026 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

2.2. Ông **Lê Quang H** phải chịu 73.041.000 (bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi một nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- P.THADS khu vực 12;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Chí Nguyễn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn N Trần Thị ThúyNguyễn Chí Nguyễn

**Thành viên Hội
đồng xét xửThẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Mặt khác, trong quá trình làm việc, bà T2, chị M1, anh R đều thống nhất: cụ C, cụ N1 có cho ông R1 phần đất ở, liền kề với phần đất của bà T2, nhưng bà T2 đã bán phần đất này để có tiền xây nhà và chi phí chăm sóc, nuôi dưỡng anh R, chị M1. Và hiện tại, anh R, chị M1 cũng được thừa hưởng từ cụ N1, cụ C một phần đất ruộng diện tích khoảng 50 cao.

